

DOI: 10.62829/VNHN.371.23.29

# PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✍ TS. Lâm Xuân Hùng

● **TÓM TẮT:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0, sở hữu trí tuệ (SHTT) ngày càng trở thành yếu tố then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và văn hóa. Pháp luật về SHTT không chỉ đóng vai trò bảo hộ quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cạnh tranh lành mạnh và hội nhập quốc tế. Ở Việt Nam, mặc dù pháp luật SHTT đã có nhiều bước tiến, nhưng hệ thống hiện hành vẫn tồn tại những “điểm nghẽn” như: Thiếu định nghĩa thống nhất về tài sản trí tuệ và tài sản số; bất cập trong cơ chế sở hữu, định giá và thương mại hóa tài sản từ ngân sách nhà nước; hạ tầng đổi mới sáng tạo và dữ liệu còn manh mún; khó khăn trong thực thi quyền và xử lý vi phạm trên môi trường số, đặc biệt với các sản phẩm do AI tạo ra; cũng như hạn chế trong phân quyền và nguồn nhân lực... Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật về SHTT, chỉ ra những cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên mới, đồng thời đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật SHTT ở Việt Nam, gắn với chuẩn mực quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững.

● **Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo, hoàn thiện pháp luật SHTT, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, kỷ nguyên mới.

● **ABSTRACT:** In the context of globalization, digital transformation, and Industry 4.0, intellectual property (IP) has increasingly become a key factor in economic-social development, science-technology, and culture. IP law not only plays a role in protecting the rights of authors and owners but also serves as a driving force for innovation, healthy competition, and international integration. In Vietnam, although IP law has made significant progress, the current system still has several “bottlenecks,” such as: the lack of a unified definition of intellectual property and digital assets; inadequacies in ownership mechanisms, asset valuation, and commercialization of assets from state budgets; fragmented innovation infrastructure and data; difficulties in enforcing rights and handling violations in the digital environment, especially with AI-generated products; and limitations in decentralization and human resources. This article analyzes the theoretical and practical foundations of IP law, points out the opportunities and challenges in the new era, and proposes directions and solutions for improving IP law in Vietnam, in alignment with international standards and the requirements for sustainable development..

● **Keywords:** Intellectual Property, innovation, improvement of IP law, international integration, digital transformation, new era.

Ngày nhận bài: 21/8/2025

Ngày bình duyệt: 12/9/2025

Ngày duyệt đăng: 26/9/2025

## MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, đổi mới sáng tạo được xem là động lực cốt lõi để nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững, SHTT giữ vai trò nền tảng pháp lý để bảo vệ, khai thác và thương mại hóa các tài sản vô hình, thúc đẩy sáng tạo công nghệ và sản phẩm mới. Tuy nhiên, với sự bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và tài sản số (digital assets), nhiều khái niệm, phương thức giao dịch và loại hình quyền mới đang vượt ra ngoài khuôn khổ điều chỉnh truyền thống của pháp luật SHTT hiện hành. Điều đó đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh và quản trị xã hội và SHTT trở thành một loại tài sản chiến lược, có giá trị kinh tế to lớn và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực đời sống.

Tại Việt Nam, Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành từ năm 2005 và đã trải qua các lần sửa đổi vào các năm 2009, 2019 và 2022, nhưng hệ thống pháp luật vẫn còn chậm thích ứng với các đối tượng sở hữu trí tuệ phi truyền thống; chưa có khung pháp lý rõ ràng cho tài sản số, dữ liệu phi cá nhân, sản phẩm do AI tạo ra; đồng thời, thiếu các cơ chế minh bạch, hiệu quả trong phân cấp quản lý, định giá, giao dịch, giám sát và giải quyết tranh chấp về quyền SHTT.

Dĩ nhiên trong điều kiện đó, pháp luật về SHTT cũng đứng trước yêu cầu đổi mới, nhằm thích ứng với môi trường số, chống lại hành vi xâm phạm xuyên biên giới, đồng thời tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, chia sẻ tri thức và phát triển bền vững. Và, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định rõ yêu cầu “xây dựng, hoàn thiện pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ, tài sản số, dữ liệu” như một cấu phần quan trọng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

## *Khái niệm và đặc trưng của sở hữu trí tuệ*

Sở hữu trí tuệ là một chế định pháp lý quan trọng, phản ánh mối quan hệ giữa sáng tạo trí tuệ của con người với việc bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể sáng tạo. Có thể hiểu SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với các sản phẩm do hoạt động trí tuệ tạo ra và được pháp luật thừa nhận, bao gồm ba nhóm cơ bản: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh...); và quyền đối với giả... Nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986), đặc biệt là với việc ban hành Luật SHTT năm 2005 và các lần sửa đổi tiếp theo (2009, 2019, 2022), Việt Nam đã nội luật hóa nhiều tiêu chuẩn quốc tế, trở thành thành viên của các công ước và hiệp định quan trọng như TRIPS, Berne, CPTPP, EVFTA... Hệ thống pháp luật ngày càng tiệm cận thông lệ quốc tế, tạo hành lang bảo hộ tương đối đầy đủ cho các đối tượng như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả... (1)

Sở hữu trí tuệ có một số đặc trưng nổi bật là: (1) Đây là tài sản vô hình, không tồn tại dưới dạng vật chất cụ thể mà gắn liền với ý tưởng, giải pháp, thông tin hay hình thức thể hiện sáng tạo. (2) SHTT dễ bị sao chép và nhân bản, đặc biệt trong môi trường số, khiến việc bảo hộ trở nên khó khăn và tốn kém. (3) Giá trị của SHTT phụ thuộc vào khả năng khai thác thương mại, tức là việc sử dụng sáng tạo trong thực tiễn sản xuất - kinh doanh, chứ không chỉ nằm ở giá trị tinh thần. (4) Phạm vi và mức độ bảo hộ pháp lý quyết định trực tiếp đến giá trị và sự an toàn của tài sản trí tuệ. Điều đó cho thấy, SHTT vừa mang tính sáng tạo cá nhân, vừa có tính chất xã hội rộng lớn, gắn với lợi ích kinh tế, văn hóa và sự phát triển bền vững của quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Cùng với đó, SHTT có những vai trò quan trọng sau đây:

- *Về phương diện kinh tế*, SHTT giữ vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức. Việc bảo hộ quyền tác giả, sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp hay bí mật kinh doanh giúp các cá nhân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào nghiên cứu - phát triển (R&D), từ đó tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao.

- *Về phương diện xã hội*, SHTT tạo cơ chế khuyến khích và bảo vệ thành quả lao động trí tuệ, qua đó khơi dậy tinh thần sáng tạo của con người. Đồng thời, SHTT góp phần duy trì công bằng xã hội khi ngăn ngừa việc sao chép, chiếm đoạt trái phép, đảm bảo lợi ích chính đáng cho người sáng tạo.

- *Về phương diện chính trị - pháp lý*, SHTT là công cụ để quốc gia khẳng định vị thế trong thương mại và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quyền SHTT gắn liền với các hiệp định thương mại tự do và là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của hệ thống pháp luật.

- *Về phương diện văn hóa*, SHTT là công cụ hữu hiệu bảo vệ di sản văn hóa, tri thức truyền thống và các giá trị sáng tạo của cộng đồng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, nhiều giá trị bản địa, sản phẩm truyền thống có nguy cơ bị sao chép hoặc khai thác trái phép.

Như vậy, SHTT không chỉ là công cụ pháp lý bảo vệ quyền lợi cá nhân hay tổ chức, mà còn là trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế, thúc đẩy công bằng xã hội, khẳng định vị thế quốc gia và gìn giữ văn hóa trong bối cảnh kỷ nguyên mới.

## CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA PHÁP LUẬT SHTT HIỆN NAY

### *Cơ hội*

Trong bối cảnh kỷ nguyên số và hội

nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, pháp luật SHTT của Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội quan trọng. Trước hết, một hệ thống pháp luật SHTT hoàn thiện, minh bạch sẽ trở thành công cụ then chốt thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và start-up có thể yên tâm đầu tư vào hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D), khởi nghiệp sáng tạo, cũng như chuyển giao công nghệ, bởi sản phẩm trí tuệ của họ được pháp luật bảo hộ và ghi nhận. Đây là nền tảng để hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững, gắn kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và thị trường. Mặt khác, trong tiến trình hội nhập quốc tế, việc Việt Nam tham gia và tuân thủ các điều ước, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP không chỉ giúp nâng cao uy tín của hệ thống pháp luật mà còn tạo điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài. Một khung pháp lý SHTT tương thích với chuẩn mực quốc tế giúp doanh nghiệp trong nước dễ dàng mở rộng hoạt động ra thị trường toàn cầu, đồng thời bảo vệ tài sản trí tuệ của mình ở nhiều quốc gia khác. Và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số cũng mở ra không gian mới cho việc khai thác giá trị từ tài sản trí tuệ. Các ngành công nghiệp nội dung số, thương mại điện tử, dịch vụ trực tuyến, công nghệ số... đều dựa trên nền tảng bảo hộ bản quyền, nhãn hiệu và sáng chế.

### *Thách thức*

Bên cạnh những cơ hội rộng mở, pháp luật SHTT trong kỷ nguyên mới cũng phải đối diện với nhiều thách thức phức tạp. Trước hết là xung đột lợi ích giữa việc bảo hộ quyền của cá nhân, doanh nghiệp và lợi ích chung của xã hội. Chẳng hạn, bảo hộ độc quyền sáng chế dược phẩm có thể giúp doanh nghiệp thu hồi vốn đầu tư nghiên cứu, nhưng đồng thời lại hạn chế khả năng tiếp cận thuốc giá rẻ của người dân. Vấn đề cân bằng giữa bảo hộ và quyền tiếp cận tri thức, nhất là trong giáo dục, y tế, càng trở nên



gay gắt. Bên cạnh đó, khó khăn trong thực thi là thách thức nổi bật. Theo đó, trong môi trường số, hành vi vi phạm như sao chép nội dung, phát tán phần mềm lậu, hay giả mạo nhãn hiệu trên sàn thương mại điện tử thường mang tính xuyên biên giới, khó truy vết và xử lý. Điều này đòi hỏi cơ chế phối hợp quốc tế và công nghệ hỗ trợ giám sát, trong khi nguồn lực trong nước còn hạn chế. Thêm nữa, kỷ nguyên số đặt ra nhiều vấn đề pháp lý mới mà hệ thống pháp luật truyền thống chưa kịp bao quát. Ví dụ: quyền tác giả đối với tác phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra, quyền khai thác dữ liệu mở, quyền liên quan đến thuật toán, hay việc bảo hộ phần mềm nguồn mở. Đây là những lĩnh vực đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt và sáng tạo trong xây dựng pháp luật. Cuối cùng, nguồn lực con người và tổ chức thực thi vẫn là điểm yếu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ, chất lượng thẩm định và hiệu quả xử lý tranh chấp.

### MỘT SỐ “ĐIỂM NGHẼN” TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT SHTT

Mặc dù có những bước tiến đáng ghi nhận, hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam hiện vẫn tồn tại một số bất cập cả về khái niệm pháp lý, cơ chế sở hữu - thương mại hóa, hạ tầng thực thi và năng lực quản trị, cụ thể:

- Luật SHTT chưa đưa ra khái niệm pháp lý rõ ràng về “tài sản trí tuệ”, gây lúng túng trong việc xác định quyền sở hữu và giá trị tài sản, đặc biệt trong môi trường số. Việc định giá tài sản trí tuệ chủ yếu dựa vào phương pháp truyền thống, thiếu linh hoạt và chưa phù hợp với thực tiễn quốc tế, dẫn đến nguy cơ thất thoát tài sản công khi chuyển giao kết quả nghiên cứu (2).

- Mặc dù Luật SHTT sửa đổi 2022 đã áp dụng cơ chế “giao quyền đăng ký sáng chế” cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước, nhưng không đồng thời trao quyền sở hữu sau khi được cấp

văn bằng bảo hộ (3). Cách tiếp cận này đi ngược lại xu hướng tự chủ phổ biến (như mô hình Bayh-Dole của Hoa Kỳ), làm suy giảm động lực chuyển giao công nghệ, khó thu hút đầu tư mạo hiểm và hạn chế phát triển doanh nghiệp spin-off từ viện, trường.

- Hạn chế về hạ tầng, hệ sinh thái và dữ liệu liên thông (4). Một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiệu quả đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa thể chế, hạ tầng khoa học - công nghệ, tài chính, nguồn nhân lực và các cơ chế chuyển giao tri thức. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay, hệ thống hạ tầng phục vụ hoạt động sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT), vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số, thiếu sự đồng bộ và chưa tương xứng với định hướng phát triển của quốc gia.

- SHTT tại Việt Nam hiện nay cũng đang đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh môi trường số phát triển nhanh chóng và các đối tượng quyền ngày càng đa dạng, như: Việc phát hiện, thu thập bằng chứng và xử lý hành vi xâm phạm quyền trong môi trường số, đặc biệt với các chương trình phát sóng trên nền tảng xuyên biên giới, gặp nhiều trở ngại; Các quy định pháp luật liên quan đến ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả trong hoạt động thư viện vẫn còn cứng nhắc và chưa thích ứng với xu thế chuyển đổi số...

- Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về SHTT vẫn mang tính tập trung, phần lớn thẩm quyền thuộc Cục SHTT và các cơ quan trung ương. Vai trò của địa phương trong hỗ trợ đăng ký, kiểm tra, xử phạt, phổ biến và hướng dẫn pháp luật còn hạn chế. Việc thiếu phân quyền hợp lý khiến quy trình hỗ trợ doanh nghiệp, viện - trường tiếp cận hệ thống SHTT gặp nhiều vướng mắc, ảnh hưởng tới hiệu quả chung của chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo.

- Hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của tài sản số dưới nhiều hình thức khác nhau như tiền ảo, thông tin cá nhân có giá trị, dữ liệu lớn (big data), mã tài sản số (digital tokens), sản phẩm trí tuệ ảo,... đang đặt ra nhu cầu bức thiết về khung pháp lý điều chỉnh, nhưng hiện nay vẫn chưa có định nghĩa pháp lý thống nhất cũng như cơ chế đăng ký, chuyển giao, thuế hóa, định giá phù hợp. Điều này gây khó khăn không chỉ trong hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ mà còn trong việc xử lý tranh chấp và thực thi quyền trong môi trường phi truyền thống (5). Bên cạnh đó, vấn đề chứng cứ điện tử trong xét xử trực tuyến - một phần tất yếu của tòa án số và tranh chấp về quyền SHTT trong môi trường mạng- hiện cũng chưa được quy định rõ ràng.

- Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật SHTT cần được đặt trong tổng thể nỗ lực cải cách pháp luật kinh tế - đầu tư - tài chính: Thủ tục đăng ký, định giá tài sản trí tuệ, phân bổ lợi ích từ sản phẩm sáng tạo vẫn chịu tác động từ các chính sách công chưa nhất quán; cơ chế đấu thầu - đầu tư - chuyển nhượng tài sản công còn bất cập, gây khó khăn trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM**

1. Hoàn thiện thể chế pháp lý và định nghĩa về tài sản trí tuệ, tài sản số: Cần xác lập khái niệm pháp lý rõ ràng về tài sản trí tuệ và tài sản số - những khái niệm hiện đang thiếu định nghĩa thống nhất trong hệ thống pháp luật. Việc làm rõ ranh giới giữa tài sản trí tuệ, tài sản mã hóa, dữ liệu cá nhân có giá trị tài sản sẽ giúp xác định chủ thể quyền, cơ chế bảo hộ và khai thác hiệu quả. Đồng thời, cần xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, chính xác và theo hướng phân quyền, đảm bảo mỗi loại tài sản được quản lý và bảo hộ bởi cơ quan chuyên trách phù hợp.

2. Nâng cao hiệu quả thực thi: Để bảo đảm quyền SHTT được thực thi hiệu quả, Việt Nam cần xây dựng các cơ chế pháp lý và tổ chức chuyên môn phù hợp với bối cảnh mới. Trước hết, việc thành lập tòa án chuyên trách về SHTT là yêu cầu cấp thiết nhằm giải quyết nhanh chóng, chính xác các tranh chấp ngày càng gia tăng về độ phức tạp. Một cơ quan xét xử chuyên trách sẽ góp phần nâng cao chất lượng phán quyết, tạo niềm tin cho doanh nghiệp và cộng đồng sáng tạo. Cần tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý và thực thi như thanh tra, quản lý thị trường, hải quan và công an. Việc nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời bảo đảm đủ nguồn lực con người và tài chính sẽ giúp các cơ quan này kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm hiệu quả hơn.

3. Thích ứng với sự phát triển của công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI): Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đặt ra nhiều thách thức pháp lý mới, đặc biệt là trong việc xác định đối tượng và chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ. Cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc bảo hộ tác phẩm, sáng chế do AI tạo ra; phân biệt giữa tác phẩm có sự hỗ trợ của AI và sản phẩm do AI hoàn toàn sáng tạo. Đồng thời, cần ban hành hướng dẫn cụ thể, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để xác định quyền SHTT trong bối cảnh AI không chỉ là công cụ mà còn là tác nhân sáng tạo.

4. Tăng cường thực thi quyền SHTT và xử lý vi phạm trong môi trường số: Pháp luật hiện hành chưa có cơ chế xử lý rõ ràng đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, chương trình phát sóng hoặc dữ liệu số trên các nền tảng trực tuyến. Cần thiết lập cơ chế giám sát chủ động, đồng thời tăng mức chế tài xử lý vi phạm nhằm tạo hiệu ứng răn đe. Đặc biệt, cần đầu tư vào công nghệ giám sát và nhân lực thực thi chuyên môn cao, bảo đảm khả năng nhận diện, định danh và can thiệp hiệu quả.

5. Một trong những điểm nghẽn hiện nay là việc thương mại hóa tài sản trí tuệ do ngân sách nhà nước đầu tư. Cần sửa đổi pháp luật theo hướng trao quyền sở hữu trực tiếp cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN, tương tự mô hình Bayh-Dole của Hoa Kỳ. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế phân chia lợi nhuận hợp lý và đơn giản hóa thủ tục giao quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức chủ trì tiếp tục đầu tư và đưa kết quả nghiên cứu ra thị trường.

6. Để hệ thống SHTT vận hành hiệu quả, cần nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của việc bảo hộ và tôn trọng quyền SHTT. Theo đó, từng bước đưa nội dung giáo dục về SHTT vào chương trình học phổ thông và đại học, giúp học sinh, sinh viên hiểu được giá trị của sáng tạo, cũng như trách nhiệm tôn trọng sản phẩm trí tuệ của người khác. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân thông qua hội thảo, truyền thông số, các chiến dịch truyền hình, mạng xã hội.

7. Pháp luật về sở hữu trí tuệ SHTT không thể tồn tại tách rời mà cần được đặt trong tổng thể Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Vì vậy, pháp luật SHTT phải đóng vai trò vừa là công cụ bảo vệ thành quả sáng tạo, vừa là đòn bẩy khuyến khích nghiên cứu - phát triển, khởi nghiệp và ứng dụng công nghệ mới. Khi được lồng ghép vào

chiến lược phát triển tổng thể, hệ thống SHTT sẽ không chỉ bảo vệ quyền lợi của cá nhân và doanh nghiệp, mà còn góp phần xây dựng môi trường đổi mới sáng tạo lành mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế.

8. Cần chủ động tham gia tích cực vào các diễn đàn, tổ chức quốc tế về SHTT như Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cũng như các cơ chế hợp tác khu vực. Việc tham gia này không chỉ giúp Việt Nam khẳng định vai trò, vị thế mà còn tiếp cận nhanh chóng với các chuẩn mực pháp luật quốc tế tiên tiến. Bên cạnh đó, cần học tập và chia sẻ kinh nghiệm quản lý, thực thi SHTT của các quốc gia phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực như xử lý vi phạm bản quyền số, bảo hộ sáng chế công nghệ cao, hay giải quyết tranh chấp xuyên biên giới. Đây là nguồn tham chiếu quan trọng để Việt Nam điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện trong nước.

Việc hoàn thiện pháp luật SHTT trong kỷ nguyên mới không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mà còn bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả trong việc bảo hộ quyền, chia sẻ lợi ích từ sáng tạo, hướng tới một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững, hài hòa giữa quyền lực nhà nước, quyền của chủ thể sở hữu và lợi ích của cộng đồng xã hội./

---

(1). Vũ Thị Hải Yến (2025), *Pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam: Lịch sử hình thành, phát triển và định hướng hoàn thiện trong Kỷ nguyên mới*, Kỷ yếu Hội thảo “Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự Việt Nam: 80 năm xây dựng, phát triển và định hướng hoàn thiện trong Kỷ nguyên mới”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 242-257.

2. Trần Thị Bảo Ánh, *Hoàn thiện khung pháp lý cho các doanh nghiệp khoa học công nghệ khởi nguồn từ các viện nghiên cứu, trường đại học,*

*Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Trường ĐH Luật Hà Nội 2025.

3. Đỗ Tiến Đạt (2025), *Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước - Quá trình phát triển và định hướng hoàn thiện trong Kỷ nguyên mới*, Kỷ yếu Hội thảo..., Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 317– 331.

4. Phạm Thị Diễm Thi (2025), *Pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả - Quá trình phát*

triển và định hướng hoàn thiện trong Kỷ nguyên mới, *Kỷ yếu Hội thảo...*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 306-316

5. Nguyễn Huy Hoàng Nam (2025). *Chế định tài sản trong pháp luật dân sự Việt Nam - Lịch*

*sử hình thành, phát triển và định hướng hoàn thiện trong bối cảnh hiện nay. Trong: Kỷ yếu Hội thảo “Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự Việt Nam: 80 năm xây dựng, phát triển và định hướng hoàn thiện trong Kỷ nguyên mới”.* Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 1-20.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2022). *Báo cáo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2021-2022*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Chính phủ Việt Nam. (2022). *Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung năm 2022)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). (2018). *Văn bản Hiệp định*. Truy cập từ <https://www.mofa.gov.vn>

4. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). (2020). *Toàn văn Hiệp định*. Truy cập từ <https://www.moit.gov.vn>
5. Trần Văn Nam. (2021). Pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. *Tạp chí Luật học*, 4 (2021), 15-26.
6. Nguyễn Thị Quế Anh. (2020). Quyền sở hữu trí tuệ trong kỷ nguyên số: Một số vấn đề pháp lý đặt ra. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 3 (2020), 42-55.